

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG THƯƠNG
ĐỊA PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **382**/CTĐP-QLKC

Hà Nội, ngày **15** tháng 5 năm 2019

V/v thực hiện kế hoạch khuyến
công quốc gia năm 2019 và
xây dựng kế hoạch khuyến
công năm 2020

Kính gửi:

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tổ chức dịch vụ khuyến công.

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước; trên cơ sở Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đặc biệt là các Thông tư đã được Bộ Công Thương và Bộ Tài chính ban hành trong thời gian qua; nhằm hoàn thành kế hoạch khuyến công quốc gia (KCQG) năm 2019, góp phần thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, đồng thời chuẩn bị tốt công tác xây dựng kế hoạch khuyến công năm 2020, Cục Công Thương địa phương (Cục CTĐP) đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức dịch vụ khuyến công chỉ đạo, thực hiện các nội dung sau:

I. Triển khai kế hoạch KCQG năm 2019

1. Tình hình ký kết hợp đồng

1.1. Đối với các đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4796/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao kế hoạch kinh phí KCQG năm 2019 (Quyết định số 4796/QĐ-BCT) và được Bộ Tài chính thống nhất phân bổ ngân sách đợt 1:

a) Đề án chưa đủ điều kiện ký hợp đồng do phải xây dựng kế hoạch triển khai hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu, các đơn vị thực hiện chú ý đảm bảo tiến độ, đúng quy định của Luật Đấu thầu và các quy định liên quan gửi về Cục CTĐP để ký hợp đồng.

b) Đề án đã đủ điều kiện nhưng đơn vị thực hiện không hoàn thiện hồ sơ để ký hợp đồng trước ngày 31 tháng 5 năm 2019, Cục CTĐP sẽ tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương ngừng thực hiện đề điều chỉnh kinh phí cho đơn vị khác.

1.2. Đối với các đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4796/QĐ-BCT nhưng chưa được Bộ Tài chính thống nhất phân bổ ngân sách (các đề án về xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp) Bộ Công Thương đang tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính để thuyết minh, làm rõ.

2. Tổ chức thực hiện

2.1 Thực hiện hợp đồng

Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện đề án đảm bảo đúng tiến độ, quy định và nội dung hợp đồng KCQG đã ký kết; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng làm cơ sở để Cục CTĐP theo dõi tình hình triển khai đề án và có căn cứ xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Tổ chức nghiệm thu cơ sở và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí KCQG thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành; thường xuyên báo cáo vướng mắc về Cục CTĐP để kịp thời tháo gỡ, xử lý theo quy định.

2.2 Tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí KCQG:

Căn cứ tình hình triển khai đề án kịp thời đề nghị tạm ứng kinh phí thực hiện đề án theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT, Thông tư số 17/2018/TT-BCT. Đối với các đề án quy định mức hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm trên tổng kinh phí thực hiện đề án như: Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp..., khi quyết toán kinh phí KCQG, đơn vị thực hiện phải lập Bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán bao gồm cả phần kinh phí từ nguồn khác (theo mẫu số 8b của Thông tư số 36/2013/TT-BCT).

3. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án

Đối với các đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4796/QĐ-BCT: Trường hợp buộc phải điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ/nội dung hoạt động khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản (đối với các đề án do Sở Công Thương đăng ký kế hoạch hoặc đề án do đơn vị khác thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phải có xác nhận hoặc văn bản đề nghị của Sở Công Thương) trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án và gửi về Cục CTĐP trước ngày 31 tháng 5 năm 2019.

II. Về xây dựng kế hoạch khuyến công năm 2020

Năm 2020 là năm cuối của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm 2016 – 2020 và Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Cục CTĐP đề nghị Sở Công Thương, các tổ chức dịch vụ khuyến công tiếp tục bám sát các mục tiêu tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg, hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT, Thông tư số 17/2018/TT-BCT để thực hiện mục tiêu đổi mới cách thức xây dựng kế hoạch các hoạt động KCQG trong năm 2020, theo hướng tập trung khảo sát, xây dựng kế hoạch, huy động và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ các ngành nghề, sản phẩm tiêu biểu phù hợp với tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương.

Tiếp tục tập trung rà soát nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng; xây dựng đề án KCQG điểm, đề án KCQG nhóm, đề án hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông

thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp khu vực, cấp quốc gia. Trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh, phân đầu mỗi địa phương đều xây dựng được đề án KCQG điểm. Khắc phục và giảm mạnh việc khảo sát, xây dựng các đề án dàn trải, phân tán, nhỏ lẻ, hiệu quả thấp. Chú trọng phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp ưu tiên cho quá trình hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn.

Để chuẩn bị cho việc xây dựng và trình Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí KCQG năm 2020, Cục CTĐP đề nghị các Sở Công Thương, tổ chức dịch vụ khuyến công triển khai một số công việc sau:

1. Đăng ký kế hoạch KCQG:

Sở Công Thương xây dựng báo cáo đăng ký kế hoạch KCQG, gửi về Cục Công Thương địa phương trước ngày 20 tháng 6 năm 2019; báo cáo gồm:

- Tổng hợp kết quả thực hiện công tác khuyến công năm 2018; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của 6 tháng đầu năm và dự kiến kết quả thực hiện năm 2019; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công năm 2020.

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch KCQG năm 2020.

2. Xây dựng kế hoạch KCQG:

2.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch: Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 46/2012/TT-BCT, Thông tư số 20/2017/TT-BCT, Thông tư số 36/2013/TT-BCT, Thông tư số 17/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương; Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính; công văn về xây dựng kế hoạch KCQG năm 2020 của Cục CTĐP và các văn bản liên quan khác.

2.2 Chú trọng các nội dung hoạt động khuyến công như: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến; hỗ trợ các hoạt động tư vấn nhằm nâng cao năng lực quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực và năng lực quản lý doanh nghiệp; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp (CCN).

Hạn chế nội dung mà các chương trình khác đang triển khai như: Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề; tổ chức hội nghị, hội thảo; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước; phát triển công nghiệp hỗ trợ...

2.3 Đối với đề án hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các CCN và đề án hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng CCN: Lựa chọn CCN mà chủ đầu tư dự kiến hoàn thành hạng mục hoặc gói thầu đề nghị hỗ trợ trong năm kế hoạch; các CCN có hồ sơ pháp lý đầy đủ; ưu tiên CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư, có tỷ lệ lấp đầy cao.

2.4 Đối với đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến: Lập thành nhóm các đối tượng thụ hưởng, tập trung theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi

thế cạnh tranh của vùng, địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP. Đề án phải có thuyết minh sơ đồ quy trình công nghệ, quy trình hoạt động của máy móc; nêu rõ đặc điểm vượt trội của máy móc tạo ra sản phẩm mới hoặc có phân tích so sánh cụ thể các yếu tố định tính, định lượng của máy móc mới so với máy móc hiện cơ sở công nghiệp nông thôn đang sử dụng.

2.5 Đối với đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Trong hồ sơ đề án và tại Phiếu thẩm định cấp cơ sở cần xác định rõ là công nghệ/sản phẩm mới trên địa bàn cấp huyện chưa có cơ sở nào sản xuất hoặc mới chỉ có một đơn vị sản xuất công nghệ/sản phẩm mới đó (đối với các huyện thuộc địa bàn ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT).

2.6 Đối với đề án KCQG điểm: Được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương hoặc trên một địa bàn cụ thể tại địa phương. Đề án KCQG điểm sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch KCQG trong năm 2020, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định.

2.7 Hồ sơ đề án được lập đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2013/TT-BCT. Tên đề án cần ngắn gọn, phản ánh được nội dung hoạt động khuyến công theo quy định. Ví dụ: Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến trong sản xuất/chế biến (tên sản phẩm); Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất/chế biến (tên sản phẩm); Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu (tên khu vực) - năm 2020; Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ trong nước - năm 2020. Lưu ý không ghép tên đơn vị thụ hưởng, địa điểm triển khai vào tên đề án.

3. Kế hoạch khuyến công địa phương:

Đề nghị các Sở Công Thương căn cứ định hướng trên và yêu cầu, điều kiện thực tế tại địa phương để xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung hoạt động khuyến công địa phương cần định hướng trong năm 2020.

4. Lập dự toán kinh phí KCQG:

4.1 Nội dung, mức chi hoạt động KCQG thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. Dự toán kinh phí của đề án phải được lập chi tiết số lượng, đơn giá, thành tiền, trong đó chia ra kinh phí KCQG đề nghị hỗ trợ, kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng và nguồn khác; có thuyết minh, giải trình dự toán kèm theo. Nội dung chi quản lý đề án cũng cần được chi tiết trong dự toán kinh phí.

4.2 Đối với các đề án KCQG điểm đăng ký kế hoạch lần đầu trong năm 2020, dự toán kinh phí chia theo từng năm, tương ứng với các nội dung hoạt động khuyến công dự kiến thực hiện. Đối với đề án KCQG điểm đã được Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch kinh phí KCQG năm 2018 tại Quyết định số 4768/QĐ-BCT, năm 2019 tại Quyết định số 4796/QĐ-BCT; dự toán kinh phí năm 2020 được lập trên cơ sở rà soát, điều chỉnh các nội dung hoạt động khuyến công đã đăng ký cho phù hợp với tình hình thực tế.

4.3 Định mức xét hỗ trợ đối với một số hoạt động KCQG áp dụng theo Quyết định số 4371/QĐ-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí KCQG (như Quyết định kèm theo).

5. Thẩm định cấp Bộ và trình phê duyệt kế hoạch kinh phí KCQG:

Căn cứ quy định tại khoản 9, Điều 1, Thông tư số 17/2018/TT-BCT; sau khi thẩm định cấp cơ sở, các địa phương, đơn vị và Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng gửi 01 bộ hồ sơ đề án theo danh mục đã đăng ký về Cục Công Thương địa phương CTĐP (số 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội) trước ngày 30 tháng 9 năm 2019 để thẩm định cấp Bộ; hoàn thành trình Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch kinh phí KCQG năm 2020 trước 31 tháng 12 năm 2019. Ngoài gửi bản chính theo đường văn thư, đề nghị các địa phương, đơn vị gửi bản mềm theo địa chỉ email: hungle@mait.gov.vn; riêng hồ sơ đề án liên quan đến hỗ trợ CCN gửi về email: hoant@mait.gov.vn.

Trên đây là một số nội dung về việc thực hiện kế hoạch KCQG năm 2019 và xây dựng kế hoạch khuyến công năm 2020. Cục CTĐP đề nghị các địa phương, đơn vị quan tâm thực hiện để hoàn thành tốt kế hoạch, nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Quốc Hưng (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Website của Cục CTĐP;
- TTKC các tỉnh, thành phố;
- Tổ chức DVKC thực hiện đề án KCQG năm 2019;
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu: VT, QLKC(10).

CỤC TRƯỞNG



Ngô Quang Trung

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4371**/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương tại Tờ trình số 73/TTr-CTĐP ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia, áp dụng đối với việc giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia từ năm 2019.

CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG
Số: 1932
Ngày: 23/11/18
Chuyên:
Lưu hồ sơ số: Căn cứ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công Thương địa phương, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan, các tổ chức dịch vụ khuyến công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CTĐP.



Cao Quốc Hưng

Phụ lục

MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4371** /QĐ-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia (trừ các nội dung về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp): Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng theo mức chi chung và mức chi hoạt động khuyến công quốc gia tối đa đã quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

II. Các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp: Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng theo khung định mức như sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 2.000 triệu đồng đến dưới 4.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
2	Từ 4.000 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	500	
3	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 8.000 triệu đồng	600	
4	Từ 8.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	700	
5	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng	800	
6	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	900	
7	Từ 15.000 triệu đồng trở lên	1.000	

* Riêng đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo theo quy định của pháp luật, khung định mức hỗ trợ như sau:

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 1.500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
2	Từ 3.000 triệu đồng đến dưới 4.500 triệu đồng	500	
3	Từ 4.500 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	600	
4	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 7.500 triệu đồng	700	
5	Từ 7.500 triệu đồng đến dưới 9.000 triệu đồng	800	
6	Từ 9.000 triệu đồng đến dưới 10.500 triệu đồng	900	
7	Từ 10.500 triệu đồng trở lên	1.000	

2. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến		(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ là chi phí mua sắm máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ
1	Từ 400 triệu đồng đến dưới 600 triệu đồng	200	
2	Từ 600 triệu đồng trở lên	300	
II	Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ		
1	Từ 700 triệu đồng đến dưới 900 triệu đồng	350	
2	Từ 900 triệu đồng trở lên	450	

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

TT	Tổng dự toán được phê duyệt của hạng mục công trình hoặc gói thầu đề nghị hỗ trợ	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)
1	Từ 7.000 triệu đồng đến dưới 8.500 triệu đồng	2.000
2	Từ 8.500 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	2.500
3	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng	3.000
4	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 13.500 triệu đồng	3.500
5	Từ 13.500 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	4.000
6	Từ 15.000 triệu đồng đến dưới 17.000 triệu đồng	4.500
7	Từ 17.000 triệu đồng đến dưới 18.500 triệu đồng	5.000
8	Từ 18.500 triệu đồng đến dưới 20.000 triệu đồng	5.500
9	Từ 20.000 triệu đồng trở lên	6.000

0 N D I